

BIỂU ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN THUỘC CTMTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 SANG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Nậm Hàng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội Dung	Số tiền	Nguồn Chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang	Số liệu điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, Phân Bỏ	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
	Tổng cộng	18.847.739.718	18.847.739.718	5.809.830.886	5.809.830.886	18.847.739.718	-
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 2021-2025	8.081.387.067	8.081.387.067	97.854.407	97.854.407	8.081.387.067	
	Vốn sự nghiệp	8.081.387.067	8.081.387.067	97.854.407	97.854.407	8.081.387.067	
	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo	8.026.324.267	8.026.324.267	42.791.607	97.854.407	8.081.387.067	
	Tiểu dự án 1: Duy tu, bảo dưỡng công trình	8.026.324.267	8.026.324.267	42.791.607	97.854.407	8.081.387.067	
	Nội dung 01: Xây dựng, nâng cấp hạ tầng thiết yếu, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, chợ, công trình văn hóa, công trình phục vụ sản xuất..)	4.319.324.267	4.319.324.267	41.290.267	0	4.278.034.000	
	Phòng Kinh tế	1.883.136.267	1.883.136.267			1.883.136.267	
	Phòng Kinh tế	1.893.367	1.893.367	1.893.367		0	
	*Phòng văn hóa - xã hội xã Nậm Hàng	2.436.188.000	2.436.188.000	39.396.900	0	2.396.791.100	
	Duy tu sửa chữa khu bán trú trường PTDTBT THCS Nậm Mạnh,Nậm Hàng	1.500.000.000	1.500.000.000	8.433.000		1.491.567.000	
	Duy tu sửa chữa khu bán trú trường PTDTBTTH Nậm Hàng	400.000.000	400.000.000	2.990.000		397.010.000	
	Duy tu sửa chữa điểm trường tiểu học bản Huổi Pét trường PTDTBTTH Nậm Hàng	500.000.000	500.000.000	2.747.000		497.253.000	
	Nâng cấp, duy tu sửa chữa nhà văn hoá bản Nậm Dòn, nhà văn hoá bản Lồng Ngải	20.698.000	20.698.000	17.278.000		3.420.000	
	Sửa chữa duy tu, điểmtrung tâm trường PTDTBT TH Nậm Hàng, điểm trung tâm trường PTDTBT TH Nậm Mạnh	15.490.000	15.490.000	7.948.900		7.541.100	
	Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng KT-XH, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền	3.707.000.000	3.707.000.000	1.501.340		3.705.498.660	
	Phòng Kinh tế	3.707.000.000	3.707.000.000	1.501.340	97.854.407	3.803.353.067	
	Duy tu sửa chữa rãnh thoát nước, vỉa hè đường Lò Ván Hặc Tổ dân phố Nậm Hàng, xã Nậm Hàng	1.257.000.000	1.257.000.000	1.501.340		1.255.498.660	
	Duy tu sửa chữa đường giao thông nội bản bản Lồng Ngải, xã Nậm Hàng	1.000.000.000	1.000.000.000		97.854.407	1.097.854.407	Tổng mức: 1.230 tr đồng

STT	Nội Dung	Số tiền	Nguồn Chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang	Số liệu điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, Phân Bỏ	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	14.804.800	14.804.800	14.804.800		0	
	Tiểu Dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	14.804.800	14.804.800	14.804.800		0	
	Phòng Kinh tế	14.804.800	14.804.800	14.804.800		0	
	Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (10475)	40.000.000	40.000.000	40.000.000		0	
	xây mới	40.000.000	40.000.000	40.000.000		0	
	Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (10476)	258.000	258.000	258.000,0		0	
	Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều	258.000	258.000	258.000,0		0	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	20.000.000,0	20.000.000,0	20.000.000,0	20.000.000,0	20.000.000,0	
1	Vốn sự nghiệp	20.000.000	20.000.000	20.000.000,0	20.000.000,0	20.000.000,0	
a	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM	20.000.000	20.000.000	20.000.000,0		0	
	Phòng Kinh tế	20.000.000	20.000.000	20.000.000,0	0	0	
b	Nội dung thành phần số 6: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa Nông thôn; bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống gắn với phát triển du lịch Nông thôn	0	-	-	20.000.000	20.000.000	
	Phòng Văn hóa - xã hội	0	-		20.000.000	20.000.000	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10.746.352.651	10.746.352.651	5.691.976.479	5.691.976.479	11.069.371.505	
1	Vốn sự nghiệp	10.746.352.651,00	10.746.352.651,00	5.691.976.479	5.691.976.479	11.069.371.505,00	
a	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	9.000.000	9.000.000	9.000.000	0	0	0
-	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt	9.000.000	9.000.000	9.000.000	0	0	
	Phòng Kinh tế	9.000.000	9.000.000	9000000		0	
b	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	298.189.000	298.189.000	298.189.000,00		0	
	Phòng Kinh tế	298.189.000	298.189.000	298.189.000,00		0	

STT	Nội Dung	Số tiền	Nguồn Chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang	Số liệu điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, Phân Bỏ	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
c	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	9.638.010.000	9.638.010.000	4.708.930.000	0	4.929.080.000	
-	Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS và MN	9.638.010.000	9.638.010.000	4.708.930.000	0	4.929.080.000	
+	Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	9.638.010.000	9.638.010.000	4.708.930.000	0	4.929.080.000	Tổng 4, 1 ty trong đó đã phê duyệt 2.027.000.000 đồng, dự kiến phê duyệt 2.082.000.000
	Dự án hỗ trợ phát triển chăn nuôi gia súc	9.638.010.000	9.638.010.000	4.708.930.000	0	4.929.080.000	
	Phòng Kinh tế	9.638.010.000	9.638.010.000	4.708.930.000		4.929.080.000	
d	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	54.618.255	54.618.255	26.283.255	5.691.976.479,0	5.720.311.479	
-	Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu (Duy tu, bảo dưỡng công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn đặc biệt khó khăn)	54.618.255	54.618.255	26.283.255	5.691.976.479,0	5.720.311.479	
	Phòng Kinh tế	32.129.255	32.129.255	6.644.255		25.485.000	
	Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên đối với các xã đặc biệt khó khăn, thôn bản đặc biệt khó khăn	32.129.255	32.129.255	6.644.255		25.485.000	
	Phòng văn hóa - xã hội xã Nậm Hàng	22.489.000	22.489.000	19.639.000		2.850.000	
	Sửa chữa duy tu, bảo dưỡng, điểm trường mầm non, nậm ty trường MN Nậm Hàng	19.974.000	19.974.000	17.124.000		2.850.000	
	sửa chữa duy tu, bảo dưỡng điểm trường Nậm Cây trường PTDTBT TH Nậm Hàng	2.515.000	2.515.000	2.515.000		0	
	<i>Duy tu sửa chữa thủy lợi bản Nậm Lay, xã Nậm Hàng</i>				652.000.000	652.000.000	Tổng mức đầu tư 3.520 triệu đồng Trong đó

STT	Nội Dung	Số tiền	Nguồn Chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang	Số liệu điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, Phân Bỏ	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
	Duy tu, sửa chữa đường giao thông nội bản Nậm Pồ, cứng hóa đường giao thông từ bản Nậm Pồ đi phường Mường Lay				2.039.976.479	2.039.976.479	
	Duy tu, sửa chữa thủy lợi bản Lòng Ngải				2.000.000.000	2.000.000.000	
	Duy tu, sửa chữa các công trình thủy lợi: Na Cuông, Na Tở 2, Huổi Pét, Nậm Ty, Nậm Mạnh (bãi 3)				1.000.000.000	1.000.000.000	
e	Dự án 5: Phát triển giáo dục và đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	323.018.854	323.018.854	31.943.828		291.075.026	
-	Tiêu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường PTDT có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	248.435.254	248.435.254	31.943.828	-	216.491.426	
+	Kinh phí chi xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	236.813.426	236.813.426	20.322.000	-	216.491.426	
	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Mạnh	85.125.000	85.125.000			85.125.000	
	Trường PTDTBT TH Nậm Hàng	131.366.426	131.366.426			131.366.426	
	Trường TH Nậm Nhùn	20.322.000	20.322.000	20.322.000		0	
	Phòng văn hóa - xã hội xã Nậm Hàng	11.621.828	11.621.828	11.621.828		0	
	+ Mua sắm trang thiết bị, đồ dùng bán trú các trường bán trú	11.621.828	11.621.828	11.621.828		0	
	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	2.990.000	2.990.000	2.990.000		0	
	Xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian tại các thôn vùng đồng bào DTTS và MN, vùng di dân tái định cư	2.990.000	2.990.000	2.990.000		0	
f	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	323.145.000	323.145.000	200.000.000		123.145.000	
	Mặt trận tổ quốc xã	323.145.000	323.145.000	200.000.000		123.145.000	
g	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	404.279.396	404.279.396	404.279.396	0	0	
	Tiêu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	402.620.000	402.620.000	402.620.000	0	0	
	- Trung tâm văn hóa thể thao và Truyền thông	2.620.000	2.620.000	2.620.000		0	

STT	Nội Dung	Số tiền	Nguồn Chuyển nguồn năm 2025 chuyển sang	Số liệu điều chỉnh		Dự toán sau điều chỉnh, Phân Bỏ	Ghi chú
				Giảm (-)	Tăng (+)		
	Hỗ trợ bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc cho đồng bào dân tộc Mảng, Cống	400.000.000	400.000.000	400.000.000		0	
	Phòng văn hóa - xã hội xã Nậm Hàng	400.000.000	400.000.000	400.000.000		0	
	Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN	1.659.396	1.659.396	1.659.396		0	
h	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	16.121.000	16.121.000	10.361.000		5.760.000	
	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào	16.121.000	16.121.000	10.361.000		5.760.000	